TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2017/HNGĐ – PT
Ngày: 13/9/2017
V/v *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng
Các thẩm phán: Ông Phạm Kim Của
Ông Bùi Thế Xương

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Khắc Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2017/TLPT- HN ngày 28 tháng 8 năm 2017 về việc *"Tranh chấp ly hôn"*.

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 55/2017/HNGĐ – ST ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 206/2017/QĐ – PT ngày 29 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1987 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Phan Thế C, sinh năm: 1987 (có mặt)

Địa chỉ: ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn là Luật sư Đặng Ngọc P - Văn phòng luật sư Đặng P thuộc đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. Địa chỉ: khu phố B, phường S, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

3. Người kháng cáo: Bị đơn anh Phan Thế C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị và anh C tổ chức đám cưới vào năm 2013 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo giấy đăng ký kết hôn số 06/2013 vào ngày 20/02/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống có hạnh phúc đến tháng 12/2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C không lo làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vả và bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Chị và anh C đã ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay. Xét thấy, vợ chồng không thể hàn gắn lại được, tình cảm vợ chồng không còn nữa, nên chị yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: có 01 con chung tên Phan Ái M, sinh ngày 13/7/2014. Hiện con chung đang sống với chị N, nhưng từ lúc chị nộp đơn ly hôn thì anh C mang con đi đâu không rõ. Khi ly hôn chị N yêu cầu nuôi con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Thế C trình bày:

Anh và chị N kết hôn vào năm 2013 trên tinh thần tự nguyện. Do làm ăn không được nên anh có ra Bình Dương làm ăn. Anh và chị N đã ly thân từ tháng 01/2017 cho đến nay. Qua yêu cầu ly hôn của chị N thì anh không đồng ý vì anh không muốn con anh không có mẹ.

Về con chung: có 01 con chung Phan Ái M, sinh ngày 13/7/2014. Hiện con chung đang sống chung với anh, nếu Tòa giải quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng nuôi con chung không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con vì hiện tại anh có công việc ổn định, đang mở quán ăn ở Bình Dương nên anh có điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Tòa án nhân dân huyện Bình Đại đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 149, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Phan Thế C. Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phan Thế C.

2. Về con chung: Giao con chung Phan Ái M, sinh ngày 13/7/2014 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện chị Nguyễn Thị N nuôi con chung không yêu cầu anh Phan Thế C cấp dưỡng nuôi con.

Chị N trực tiếp nuôi con không được cản trở anh C trong việc thăm nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Không có, nên không xét đến.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/7/2017 bị đơn là anh Phan Thế C kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo của bị đơn anh Phan Thế C có nội dung anh không đồng ý với Bản án sơ thẩm. Anh yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của anh, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh không đồng ý ly hôn với chị N, không đồng ý giao con chung là cháu Phan Ái M, sinh ngày 13/7/2014 cho chị N nuôi dưỡng, anh yêu cầu nuôi con chung. Tại phiên tòa hôm nay anh rút một phần kháng cáo về hôn nhân. Cụ thể anh đồng ý ly hôn với chị N và chỉ yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Người bảo vệ quyền lợi, ích hợp pháp của bị đơn trình bày: Anh C kháng cáo không đồng ý ly hôn và yêu cầu được nuôi con chung. Tại tòa anh C rút một phần kháng cáo là đồng ý ly hôn với chị C nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ghi nhận. Về con chung thì cháu M đã trên 03 tuổi, anh C có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên có đủ điều kiện để nuôi con. Hiện nay cháu M đang sống với anh C, cháu phát triển rất tốt. Đề nghị tòa chấp nhận kháng cáo của anh C, sửa bản án sơ thẩm giao con chung cho anh C nuôi dưỡng.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tại tòa anh C tự nguyện rút một phần kháng cáo về hôn nhân anh đồng ý ly hôn với chị N nên ghi nhận. Về yêu cầu được nuôi con chung đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của anh C, sửa bản án sơ thẩm số 55/2017/HNGĐ-ST ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, giao con chung cho anh C nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận. Xét kháng cáo của anh Phan Thế C và đề nghị của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Anh C và chị N tự nguyện kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Năm 2016, do phát sinh mâu thuẩn và bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên chị N xin ly hôn với anh C. Anh C không đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa hôm nay anh C rút một phần kháng cáo về hôn nhân là anh đồng ý ly hôn với chị N. Việc rút một phần kháng cáo của anh C là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên ghi nhận.

[2] Về nợ chung, tài sản chung anh C, chị N không có kháng cáo, Viện kiểm sát không có kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực.

[3] Về con chung: chị N và anh C có 01 con chung tên Phan Ái M, sinh ngày 13/7/2014. Anh C kháng cáo yêu cầu được nuôi con. Xét thấy, chị N và anh C đều có điều kiện nuôi con, cháu M hiện đang sống với anh C nhưng thời điểm ly thân thì cháu M sống với chị N. Thời điểm này cháu M chưa đủ 36 tháng tuổi. Đến khi chị N khởi kiện xin ly hôn thì anh C đến nhà chị N và dẫn con đi cho đến nay. Như vậy, xác định được trong thời gian xảy ra mâu thuẩn thì con chung là do chị N nuôi dưỡng và cháu M vẫn phát triển tốt. Việc anh C đưa con đi là ngoài ý muốn của chị N, theo chị N trình bày thì việc chị tìm kiếm, thăm con là rất khó khăn. Để đảm bảo quyền được nuôi con, án sơ thẩm đã chấp nhận cho chị N được nuôi con là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của anh C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh C phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Phan Thế C.

Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 55/2017/HNGĐ – ST ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Cụ thể tuyên:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N đối với anh Phan Thế C. Chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phan Thế C.

2. Về con chung: Buộc anh Phan Thế C có nghĩa vụ giao cháu Phan Ái M, sinh ngày 13/7/2014 cho chị Nguyễn Thị N nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Phan Thế C cấp dưỡng nuôi con.

Chị N trực tiếp nuôi con không được cản trở anh C trong việc thăm nôm, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005558 ngày 17/04/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

4. Về án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm:

Anh Phan Thế C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí anh C đã nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005828 ngày 24/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Huỳnh Ngọc Dũng

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.